



Số: ~~195~~ /2016/CV-BSH-QLNV I

"V/v: Quy định áp dụng biểu phí bảo hiểm tự
nguyện xe cơ giới năm 2016"

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: - CÁC BAN THUỘC TRỤ SỞ CHÍNH
- CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN BSH

Để áp dụng thống nhất toàn hệ thống Biểu phí bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 456/2015/QĐ-BSH-QLNV I ngày 14 tháng 05 năm 2015 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội, Tổng Công ty quy định chi tiết dưới đây. Các Ban thuộc trụ sở chính, các Công ty thành viên BSH (sau đây được gọi là các Đơn vị) căn cứ quy định thực hiện.

1. Phí bảo hiểm tiêu chuẩn

- Biểu phí bảo hiểm tiêu chuẩn ban hành theo Quyết định số 456/2015/QĐ-BSH-QLNV I ngày 14 tháng 05 năm 2015 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội.

2. Phí dài hạn, ngắn hạn

- Trường hợp chủ xe tham gia bảo hiểm dài hạn (trên 12 tháng) các Đơn vị chỉ có thể áp dụng mức giảm phí theo biểu phí dài hạn với điều kiện Chủ xe cam kết và đóng phí bảo hiểm **một (01)** lần nhưng thời hạn đóng phí không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.
- Không bán bảo hiểm tự nguyện ngắn hạn có thời hạn bảo hiểm dưới 03 tháng, trừ xe tạm nhập, tái xuất lưu hành tại Việt Nam theo thời hạn lưu hành do cơ quan có thẩm quyền cấp; xe tự hành từ nhà máy sản xuất đến các showroom/kho của nhà phân phối hoặc các nơi tương tự.

3. Quy định về tăng, giảm phí

- Lãnh đạo các Đơn vị là người có quyền quyết định tăng, giảm phí tại Đơn vị mình theo quy định tại mục 3.1 và 3.2 của văn bản này. Trường hợp giảm phí vượt quá tỷ lệ cho phép, các Đơn vị phải có văn bản báo cáo Tổng Công ty xin ý kiến điều chỉnh.
- Đơn vị vi phạm quy định về giảm phí Tổng Công ty sẽ điều chỉnh lại giảm tỷ lệ %/trường hợp Đơn vị được chủ động giảm phí (mức độ thấp nhất) hoặc xem xét áp dụng hình thức xử lý khác theo quy định khen thưởng, kỷ luật của Tổng Công ty.
- Trước khi đàm phán tái tục hợp đồng, Khai thác viên (KTV) phải có trách nhiệm phối hợp với bộ phận bồi thường thống kê số liệu bồi thường của năm hiệu lực trước, báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Đơn vị phương án tăng, giảm phí trước khi chào phí tái tục bảo hiểm.
- Hoá đơn thu phí bảo hiểm phải được ghi theo số phí thực nhận, trường hợp đóng phí thành nhiều kỳ hoá đơn thu phí được phát hành theo kỳ nộp phí.
- Trong Hợp đồng bảo hiểm (HĐBH) và Giấy chứng nhận bảo hiểm (GCNBH), số phí bảo hiểm phải ghi theo tỷ lệ phí sau khi đã tăng, giảm 

3.1. Tăng phí Bảo hiểm

Công thức tăng phí bảo hiểm như sau:

$$\text{Phí BH} = [(\text{Phí bảo hiểm cơ bản} \pm \text{Phí bảo hiểm bổ sung}) \times (100\% + \text{mức phí tăng}\%)]$$

Tăng phí theo tỷ lệ bồi thường

Tỷ lệ bồi thường/doanh thu năm hiệu lực trước	Tỷ lệ tăng phí tối thiểu
65%	5 % tổng số phí bảo hiểm
Trên 65% đến 70%	10% tổng số phí bảo hiểm
Trên 70%	15% tổng số phí bảo hiểm

Các Đơn vị được phép chủ động **tăng phí** so với biểu phí tiêu chuẩn tùy theo kết quả đánh giá mức độ rủi ro; cân đối hiệu quả kinh doanh của từng Đơn vị.

Lưu ý: Trong tất cả các trường hợp tăng phí, yêu cầu các Đơn vị thông báo cho toàn hệ thống được biết qua mạng nội bộ toàn Tổng Công ty để thống nhất áp dụng mức phí, tránh trường hợp khách hàng sau khi thấy tăng phí chuyển sang Đơn vị khác trong cùng hệ thống BSH.

3.2. Giảm phí bảo hiểm

Công thức giảm phí bảo hiểm như sau:

$$\text{Phí BH} = [(\text{Phí bảo hiểm cơ bản} \pm \text{Phí bảo hiểm bổ sung}) \times (100\% - \text{mức phí giảm}\%)]$$

Trường hợp 1: Giảm phí theo số lượng xe, xe tái tục bảo hiểm.

- **Giảm phí theo số lượng xe:** Căn cứ theo Hợp đồng bảo hiểm, mức phí bảo hiểm giảm theo số lượng xe cụ thể như sau:

Số lượng	Tỷ lệ giảm phí tối đa
Từ 03 đến 10 xe	10% tổng số phí bảo hiểm
Từ 11 đến 20 xe	15% tổng số phí bảo hiểm
Từ 21 đến 50 xe	20% tổng số phí bảo hiểm
Từ trên 50 xe	25% tổng số phí bảo hiểm

- **Giảm phí cho xe tái tục bảo hiểm:** Căn cứ vào số năm bảo hiểm trước thời điểm tái tục, nếu xe không có tổn thất/tổn thất thấp mức phí được giảm cụ thể như sau:
 - Tỷ lệ tổn thất của năm trước liền kề từ 0% dưới 45% thì giảm tối đa 15%
 - 2 năm không có tổn thất thì năm sau giảm tối đa 20%
 - 3 năm không có tổn thất thì giảm tối đa 25%

BSH giảm phí cao nhất cho 1 hợp đồng bảo hiểm hoặc 1 chủ xe là 35% (đối với trường hợp đáp ứng được cùng lúc cả 2 chế độ giảm phí ở trên).

Trường hợp 2: Giảm phí khi áp dụng mức khấu trừ.

Mức khấu trừ áp dụng	Tỷ lệ phí bảo hiểm giảm
1.000.000 đồng/vụ	5%
2.000.000 đồng/vụ	10%
3.000.000 đồng/vụ	15%

4.000.000 đồng/vụ	20%
5.000.000 đồng/vụ	25%

Trong trường hợp áp dụng mức miễn thường không khấu trừ, tăng tối thiểu 5% so với phí tiêu chuẩn (tỷ lệ phí cơ bản x 105%).

Trường hợp 3: Giảm phí các khách hàng đặc biệt.

- Xem xét giảm phí tối đa 20% đối với:
 - Khách hàng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BSH như: lãnh đạo, các cấp quản lý và xe doanh nghiệp của doanh nghiệp mang lại dịch vụ bảo hiểm khác ngoài bảo hiểm vật chất ô tô.
- Xem xét giảm phí tối đa 30% đối với:
 - Khách hàng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BSH như: lãnh đạo, các cấp quản lý và xe của cổ đông tổ chức mang lại dịch vụ bảo hiểm khác ngoài bảo hiểm vật chất ô tô;
 - Xe của các đơn vị, cán bộ thuộc hệ thống SHB.

Ghi chú:

- Tỷ lệ bồi thường nêu trong các trường hợp trên được hiểu là tỷ lệ giữa tổng số tiền bồi thường đã chi trả và dự kiến cho những tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm/tổng phí bảo hiểm phát sinh từ một khách hàng, không tính riêng biệt trên từng đối tượng (xe) bảo hiểm (số liệu dựa trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm của BSH).
- Khách hàng chỉ được giảm phí tối đa theo một trong ba trường hợp nêu trên khi thỏa mãn các điều kiện ràng buộc (không được áp dụng giảm phí đồng thời trên một trường hợp).
- Trường hợp khách hàng đủ điều kiện giảm phí theo cả ba trường hợp trên ưu tiên chọn lựa trường hợp giảm phí nhiều nhất.

Các trường hợp khác ngoài quy định giảm phí trên, các Đơn vị đề xuất ý kiến về Tổng Công ty qua Ban Quản lý nghiệp vụ I và chỉ được thực hiện khi được chấp thuận từ Tổng Công ty.

4. Phí bảo hiểm các điều khoản bổ sung bảo hiểm trách nhiệm:

- Bảo hiểm trách nhiệm xe cùng chủ (mã số BS10/BSH-XCG).
Phụ phí bảo hiểm: 10%/phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự (bao gồm cả bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc và tự nguyện).
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa trên xe cùng chủ (mã số BS11/BSH-XCG).

Phụ phí bảo hiểm: 0,15% mức trách nhiệm bảo hiểm.

Mức khấu trừ: 2,5% số tiền bồi thường, không thấp hơn 500.000 đồng/vụ

- Tại điểm 9 điều 15 quyết định số 455/2015/QĐ-BSH-QLNV I, BSH loại trừ đối với tổn thất của các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, cản trước, cản sau), tổn thất về xe cơ giới do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra.

BSH chấp thuận mở rộng bồi thường cho các bộ phận lắp thêm đó trong trường hợp chủ xe khai báo chủng loại, giá trị của các phụ tùng, thiết bị lắp thêm trên Giấy yêu cầu bảo hiểm.

Phụ phí bảo hiểm = Tỷ lệ phí bảo hiểm (phí bảo hiểm cơ bản + phí bảo hiểm các điều khoản bổ sung) x số tiền bảo hiểm của bộ phận lắp thêm.

- Định chính mã số điều khoản Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận quy định tại biểu phí theo quyết định số 456/2015/QĐ-BSH-QLNV I: BS07/BSH-XCG.

5. Áp dụng các điều khoản bổ sung:

Điều kiện áp dụng các điều khoản bổ sung đã được quy định trong quy tắc bảo hiểm xe cơ giới, lưu ý các Đơn vị một số điểm sau đây:

- Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa (BS03/BSH-XCG), bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam (BS05/BSH-XCG): Các Đơn vị chỉ được phép áp dụng khi có sự đồng ý của Tổng Công ty.
- Bảo hiểm vật chất xe đối với xe tạm nhập, tái xuất (BS04/BSH-XCG): Đối tượng áp dụng là xe quá cảnh Việt Nam; xe của các Cơ quan ngoại giao, các Tổ chức quốc tế tại Việt Nam; xe của các Công ty nước ngoài, Liên doanh tại Việt Nam; xe của cá nhân người nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam.
- 02 điều khoản bổ sung cho xe có năm sử dụng dưới 03 năm BSH không thu phụ phí: bảo hiểm thay thế mới (BS01/BSH-XCG), bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa (BS02/BSH-XCG), trường hợp 02 điều khoản BS01;BS02/BSH-XCG không thể hiện trên Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm được hiểu là khách hàng không tham gia 02 điều khoản này.

Đối với điều khoản bổ sung bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa (BS02/BSH-XCG): Các Đơn vị ghi rõ trong hợp đồng bảo hiểm theo một trong các nội dung sau:

- ✓ Lựa chọn cơ sở sửa chữa chính hãng hoặc đại lý ủy quyền của các Hãng sản xuất. (**Điều kiện xe tham gia bảo hiểm: Có thời hạn sử dụng dưới 10 năm kể từ ngày sản xuất**).
- ✓ Lựa chọn cơ sở sửa chữa của người được bảo hiểm hoặc cơ sở sửa chữa mà người được bảo hiểm lựa chọn, phải được sự thống nhất của 02 (hai) bên ở thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm.
- Bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng (BS09/BSH-XCG): KTV có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn cho khách hàng tham gia bổ sung điều khoản này cho các đối tượng sau: xe cầu; xe tải gắn cầu tự hành (xe nguyên chiếc hoặc gắn thêm cầu tự hành, giá trị cầu tự hành phải được cộng thêm vào giá trị xe tham gia bảo hiểm); xe bơm bê tông, xe trộn bê tông; xe tải có thiết bị nâng hạ hàng; xe tải chở ô tô con; xe chở rác; xe chữa cháy; xe thang dùng trong công tác cứu hộ, công tác lắp đặt hệ thống chiếu sáng ...; xe khoan (có lắp các thiết bị cho việc khoan); xe cứu hộ xe hỏng ... Đối với những đối tượng trên, nguy cơ rủi ro khi vận hành các thiết bị chuyên dùng rất cao trong khi tổn thất do nguyên nhân trên thuộc điểm loại trừ quy định tại mục 8 điều 15 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới.
- Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận (BS07/BSH-XCG): Các Đơn vị chỉ được phép áp dụng đối với các đối tượng khách hàng:
 - ✓ Cổ đông sáng lập BSH
 - ✓ Cổ đông chiến lược
 - ✓ Các đối tượng áp dụng BS04 (xe có yếu tố nước ngoài), trừ xe quá cảnh đường bộ vào Việt Nam.

6. Quy định đối với nhóm có nguy cơ rủi ro cao: xe taxi; xe cho thuê tự lái; xe

đông lạnh; xe đầu kéo, rơ moóc; xe khách, xe buýt.

a. Xe taxi, xe cho thuê tự lái

Khi phát sinh nghiệp vụ, các Đơn vị lập phương án đề xuất bảo hiểm về Tổng Công ty trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ phí, điều khoản, điều kiện, mức khấu trừ... Các Đơn vị chỉ được cấp Đơn bảo hiểm khi có sự chấp thuận của Tổng Công ty.

b. Xe đông lạnh, xe đầu kéo, rơ moóc

Các Đơn vị chủ động khai thác theo đúng quy định về tăng, giảm phí, điều khoản, điều kiện, mức khấu trừ.

c. Xe khách, xe buýt

Các đơn vị chủ động khai thác trên cơ sở đáp ứng đồng thời 03 điều kiện:

- Quy định về tăng, giảm phí, điều khoản, điều kiện, mức khấu trừ;
- DN KDVT, hộ kinh doanh cá thể có từ 05 (năm) xe trở lên;
- Xe có thời gian sử dụng không quá 05 năm tính từ năm sản xuất.

Các trường hợp ngoài quy định trên Đơn vị trình trên phân cấp để Tổng Công ty xem xét phê duyệt.

7. Bảo hiểm tự nguyện TNDS của chủ xe cơ giới

Cơ sở áp dụng: Áp dụng Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12/09/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Đơn vị chỉ được cấp bảo hiểm tự nguyện TNDS khi chủ xe tham gia bảo hiểm bắt buộc TNDS tại BSH.

- Biểu phí: Tổng Công ty ban hành thống nhất mức trách nhiệm theo đồng Việt Nam áp dụng chung cho các đối tượng khách hàng có yếu tố nước ngoài.
- Mức trách nhiệm, phí bảo hiểm có thể quy ra ngoại tệ theo tỷ giá ngoại tệ bình quân liên ngân hàng tại thời điểm tham gia bảo hiểm. Trường hợp khách hàng thanh toán bằng đồng Việt Nam, việc xác định đồng tiền thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm; tỷ giá áp dụng vào thời điểm thanh toán.
- Đơn vị không được chủ động cấp bảo hiểm tự nguyện TNDS của chủ xe cơ giới cho đối tượng xe Taxi, đầu kéo và xe khách liên tỉnh.

8. Bảo hiểm tai nạn lái phụ xe và người ngồi trên xe

- Mức trách nhiệm, phí bảo hiểm quy đổi ra ngoại tệ tương tự như mục 7.
- Đối với bảo hiểm tai nạn NNTX mô tô: áp dụng theo mục 1 của biểu phí (tối đa không quá 10.000.000 đồng/người/vụ).

9. Hướng dẫn tính phí bảo hiểm các điều khoản bổ sung, bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự

- Các điều khoản bổ sung: bảo hiểm thay thế mới (BS01/BSH-XCG); bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa (BS02/BSH-XCG); bảo hiểm tổn thất động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (BS06/BSH-XCG); bảo hiểm mất trộm, mất cướp bộ phận (BS07/BSH-XCG); bảo hiểm xe ô tô và xe máy chuyên dùng (BS09/BSH-XCG).

Phí bảo hiểm 1 năm = STBH x tỷ lệ phí bảo hiểm.

- Điều khoản bổ sung: Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập tái

xuất (BS04/BSH-XCG)

Loại xe	Tỷ lệ phụ phí bảo hiểm năm
Dưới 16 chỗ ngồi	4% tính theo số ngày tham gia BH
Từ 16 đến 25 chỗ ngồi	3.5% tính theo số ngày tham gia BH
Trên 25 chỗ ngồi	3% tính theo số ngày tham gia BH

Phí bảo hiểm (≤ 1 năm) = (STBH x tỷ lệ phí bảo hiểm) x $\frac{\text{Số ngày bảo hiểm}}{365 \text{ ngày}}$

- Điều khoản bổ sung: Bảo hiểm vật chất xe cơ giới lưu hành tạm thời (mã số BS08/BSH-XCG)

- o Đến 15 ngày: 1.5% tính theo số ngày tham gia bảo hiểm

Phí bảo hiểm = (STBH x 1.5%) x $\frac{\text{Số ngày bảo hiểm}}{365 \text{ ngày}}$

- o Trên 15 ngày đến 01 tháng: 2% tính theo số ngày tham gia bảo hiểm

Phí bảo hiểm = (STBH x 2%) x $\frac{\text{Số ngày bảo hiểm}}{365 \text{ ngày}}$

- Bảo hiểm tự nguyện TNDS của chủ xe cơ giới đối với người thứ ba về người và về tài sản.

Phí bảo hiểm tự nguyện (không bao gồm phí bảo hiểm bắt buộc) = (MTN tăng thêm về người x tỷ lệ phí) + (MTN tăng thêm về tài sản x tỷ lệ phí)

Trên đây là quy định khai thác bảo hiểm xe cơ giới, áp dụng thống nhất toàn hệ thống BSH từ ngày 01/02/2016, các Đơn vị phải tuyệt đối tuân thủ, Đơn vị nào vi phạm, Lãnh đạo Đơn vị, các cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Đơn vị phản hồi về Tổng Công ty qua Ban Quản lý nghiệp vụ I để được hướng dẫn giải quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Điều hành (chỉ đạo t/hiện);
- Lưu VT, Ban QLNV I.



Lưu Thanh Tâm